

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NÓI NGHE TƯƠNG TÁC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Nguyễn Thị Hoa¹, Lê Nhật Linh², Trương Thị Hải Bình², Lâm Thị Ngọc Anh²,
Nguyễn Yến Vi², Đỗ Thị Thúy Quỳnh²

TÓM TẮT

Năng lực nói - nghe tương tác là khả năng giao tiếp chủ động và hiệu quả, bao gồm lắng nghe tích cực, trình bày rõ ràng và phản hồi linh hoạt. Đây là năng lực cốt lõi giúp học sinh phát triển tư duy phản biện và giao tiếp hợp tác trong thế kỉ XXI. Bài viết chỉ ra tiềm năng của dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận trong việc phát triển năng lực nói - nghe tương tác và đề xuất một hệ thống các biện pháp sư phạm. Việc áp dụng linh hoạt các biện pháp này sẽ góp phần thực hiện mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp ngôn ngữ cho người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Năng lực nói - nghe tương tác, dạy học đọc hiểu, văn bản nghị luận, trung học cơ sở.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.80.10.2025.876>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh thế giới đang bước vào kỷ nguyên chuyển đổi số, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đều chịu sự tác động mạnh mẽ của công nghệ, đặc biệt là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo. Những thành tựu này mở ra nhiều cơ hội nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức, đòi hỏi con người phải có khả năng giao tiếp, hợp tác và xử lý thông tin một cách linh hoạt, hiệu quả. Trong xu thế đó, năng lực nói - nghe tương tác trở thành một yêu cầu thiết yếu, không chỉ trong học tập mà còn trong công việc và đời sống hằng ngày.

Nói nghe tương tác không đơn thuần là việc phát ngôn và lắng nghe, mà là một năng lực mang tính tổng hợp, gắn chặt với tư duy, cảm xúc và khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, sáng tạo. Tuy nhiên, trong thực tiễn dạy học hiện nay, đặc biệt là trong môn Ngữ văn ở trung học phổ thông, việc phát triển năng lực nói - nghe tương tác cho học sinh vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Trong bài viết, chúng tôi đi sâu làm rõ cơ sở khoa học của việc phát triển năng lực nói - nghe tương tác cho học sinh trung học cơ sở trong dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận, từ đó đề xuất hệ thống các biện pháp nhằm phát triển năng lực nói - nghe tương tác cho học sinh.

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthioa@hdu.edu.vn

² Sinh viên K25 Đại học Sư phạm Ngữ văn, khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa để nghiên cứu các vấn đề lý thuyết về năng lực nói - nghe tương tác và đặc trưng của dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận ở trường trung học cơ sở, từ đó xây dựng cơ sở lý luận khoa học cho bài báo. Đồng thời, chúng tôi kết hợp nghiên cứu sản phẩm và tham vấn ý kiến chuyên gia nhằm xây dựng khung lý thuyết về các thành tố của năng lực nói - nghe tương tác và đề xuất một hệ thống biện pháp sư phạm phù hợp, góp phần phát triển năng lực nói - nghe tương tác và nâng cao hiệu quả dạy học Ngữ văn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về năng lực nói - nghe tương tác và tiềm năng của việc phát triển năng lực nói - nghe tương tác cho học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận

Khái niệm nói - nghe tương tác (interactive speaking and listening) không phải là một thuật ngữ phổ biến hoặc được định nghĩa rõ ràng trong các tài liệu nghiên cứu. Tuy nhiên, các khái niệm liên quan đến việc phát triển kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp tương tác đã được nhiều nhà giáo dục và nhà nghiên cứu đề cập. Trên cơ sở nghiên cứu các công trình có liên quan, chúng tôi đề xuất khái niệm: năng lực nói - nghe tương tác là khả năng huy động tổng hợp các tri thức nền tảng, động cơ, hứng thú, niềm tin hệ giá trị liên quan đến nói - nghe tương tác vào việc trao đổi thông tin một cách chủ động, hiệu quả, bao gồm việc lắng nghe tích cực, phản hồi phù hợp, trình bày rõ ràng và phát triển mạch hội thoại một cách linh hoạt theo ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

Hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận (VBNL) có tiềm năng lớn trong việc phát triển năng lực nói - nghe tương tác cho học sinh. Thứ nhất, VBNL trình bày và bảo vệ một quan điểm bằng lý lẽ chặt chẽ khiến VBNL trở thành một công cụ khoa học để rèn luyện và phát triển tư duy phản biện, khả năng phân tích, đánh giá vấn đề một cách logic và có hệ thống. Thứ hai, việc đề cập đến các vấn đề quan trọng, thường có tính thời sự hoặc giá trị phổ quát trong xã hội, văn hóa, đạo đức... giúp người tiếp nhận mở rộng hiểu biết, nhận thức sâu sắc hơn về thông điệp mà văn bản muốn truyền đạt. Cuối cùng, mục tiêu cốt lõi là thuyết phục đòi hỏi người viết phải làm chủ ngôn ngữ, lựa chọn dẫn chứng hiệu quả và cấu trúc lập luận mạch lạc, từ đó làm cho VBNL trở thành phương tiện định hướng tư tưởng, khơi dậy sự thảo luận, tranh biện trong cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển nhận thức chung. Chính những đặc trưng này khiến hoạt động dạy học đọc hiểu VBNL thúc đẩy phát triển năng lực nói - nghe tương tác, đồng thời nâng cao tư duy và giao tiếp xã hội cho học sinh THCS.

Trong hoạt động đọc hiểu văn bản văn học, năng lực nói - nghe tương tác được biểu hiện qua các thành tố sau: 1. Trình bày được thông điệp cá nhân về vấn đề đặt ra trong VBNL; 2. Tiếp nhận được thông điệp của người nói trong hoạt động đọc hiểu VBNL; 3. Đánh giá được thông điệp của người nói về các vấn đề đặt ra trong VBNL; 4. Phản hồi được thông điệp của người nói về các vấn đề đặt ra trong VBNL. Dưới đây là bảng mô tả chỉ số hành vi thể hiện mỗi thành tố của năng lực nói - nghe tương tác trong dạy học đọc hiểu VBNL.

Bảng 1. Mối quan hệ giữa chỉ số hành vi đến mỗi thành tố của năng lực nói - nghe tương tác trong dạy học đọc hiểu VBNL

Thành tố	Hành vi
1. Trình bày thông điệp cá nhân về các vấn đề trong VBNL	1.1. Nêu quan điểm về các vấn đề đặt ra trong VBNL và đưa ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng thuyết phục
	1.2. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ làm tăng hiệu quả trình bày thông điệp cá nhân về các vấn đề đặt ra trong VBNL
2. Tiếp nhận thông điệp của người nói về các vấn đề trong VBNL	2.1. Hiểu các thông điệp của người nói về các vấn đề trong VBNL
	2.2. Diễn giải thông điệp của người nói về các vấn đề trong VBNL theo cách riêng
3. Đánh giá thông điệp của người nói về các vấn đề trong VBNL	3.1. Xác định tiêu chí đánh giá thông điệp của người nói về các vấn đề trong VBNL
	3.2. Đánh giá thông điệp của người nói về các vấn đề trong VBNL dựa trên các tiêu chí đã xác định
4. Phản hồi thông điệp của người nói về các vấn đề trong VBNL	4.1. Nêu câu hỏi về thông điệp của người nói về các vấn đề trong VBNL
	4.2. Hiệu chỉnh ý kiến của người nói về các vấn đề trong VBNL khi phát hiện ra các điểm thiếu phù hợp trong lập luận

Như vậy, trong hoạt động đọc hiểu VBNL, cấu trúc năng lực nói - nghe tương tác có những đặc trưng riêng. Việc xác định rõ những đặc trưng này sẽ góp phần quan trọng trong việc đề xuất các biện pháp tác động nhằm nâng cao năng lực nói - nghe tương tác, và làm cơ sở để đánh giá được chính xác, phù hợp năng lực nói - nghe tương tác của người học.

3.2. Biện pháp phát triển năng lực nói - nghe tương tác cho học sinh THCS trong dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận

3.2.1. Tổ chức học sinh trình bày thông điệp cá nhân về vấn đề trong văn bản nghị luận

Một trong các thành tố quan trọng của năng lực nói - nghe tương tác là trình bày được quan điểm, thông điệp cá nhân. Thông điệp cá nhân là quan điểm, suy nghĩ riêng của mỗi người trước một vấn đề cụ thể, được trình bày một cách rõ ràng, có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Trình bày được thông điệp là một yếu tố quan trọng trong giao tiếp, góp phần tạo nên sự thành công trong việc truyền tải ý nghĩa và tạo sự kết nối giữa người nói và người nghe. Trong đọc hiểu VBNL, thông điệp thường là quan điểm của người đọc về văn bản bao gồm các khía cạnh như: nghệ thuật viết, tư tưởng, quan điểm của tác giả...). Các biện pháp được đề xuất với mục tiêu giúp học sinh chủ động, tích cực, trong quá trình xác định thông điệp cá nhân và trình bày quan điểm một cách hiệu quả.

Để tổ chức học sinh trình bày được thông điệp cá nhân về vấn đề trong VBNL, giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt và trả lời các dạng câu hỏi sau:

Câu hỏi hướng dẫn học sinh xác định được thông điệp cá nhân trước các vấn đề trong VBNL: Em có quan điểm gì về vấn đề... được đặt ra trong VBNL này? Em có đồng tình với quan điểm, thông điệp trong văn bản không? Em đánh giá như thế nào về những thông điệp của VBNL này? Em đánh giá như thế nào về cách lập luận, cách triển khai vấn đề, những

minh chứng của tác giả? Đọc VBNL này, em thích/ không thích nhất thông điệp nào của tác giả? Điểm nổi bật/ hạn chế trong thông điệp đó là gì? Em có đánh giá gì về nghệ thuật lập luận của VBNL này? Em có đồng tình với quan điểm của tác giả không? Có điều gì trong văn bản khiến em phân vân, chưa đồng thuận không? Em đánh giá như thế nào về mối liên hệ giữa VBNL... với đời sống thực tế?

Câu hỏi hướng dẫn học sinh xác định hoàn cảnh, mục tiêu giao tiếp để lựa chọn phương tiện ngôn ngữ phù hợp: Ai là người sẽ tiếp nhận thông điệp của em? Em muốn thông điệp của mình có tác động như thế nào đến người nghe? Theo em, nên sử dụng phong cách ngôn ngữ nào cho phù hợp với quan điểm mà em đưa ra về vấn đề trong VBNL này? Theo em, nên lựa chọn từ vựng, kiểu câu như thế nào để gây ấn tượng? Mục tiêu trình bày thông điệp của em là gì?,...

Câu hỏi hướng dẫn học sinh phối hợp phương tiện phi ngôn ngữ làm tăng hiệu quả trình bày thông điệp cá nhân: Những phương tiện phi ngôn ngữ nào em có thể sử dụng trong quá trình trình bày thông điệp của bản thân? Em nên kết hợp ánh mắt, nét mặt như thế nào? Cử chỉ, điệu bộ nào phù hợp hỗ trợ làm rõ điều em muốn nói? Em nên giao tiếp bằng ánh mắt với người nghe như thế nào? Làm thế nào để em có thể điều chỉnh phương tiện phi ngôn ngữ trong quá trình trình bày nội dung?...

Ví dụ: Áp dụng vào văn bản nghị luận Xem người ta kìa! - Lạc Thanh (Ngữ văn 6, tập 2, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống - KNTTVCS), câu hỏi đặt ra như sau: Em có đồng tình với thông điệp “Đừng so sánh bản thân với người khác” trong văn bản không? Nếu em chia sẻ thông điệp này trước lớp, em sẽ nói với ai? Em muốn các bạn cảm nhận điều gì? Em sẽ lựa chọn phong cách ngôn ngữ, kiểu câu và từ vựng như thế nào để tạo ấn tượng? Khi trình bày, em sẽ sử dụng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ ra sao để tăng sức thuyết phục?

3.2.2. Tổ chức học sinh tiếp nhận được thông điệp của người nói trong đọc hiểu văn bản nghị luận

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, một trong những năng lực cốt lõi môn Ngữ văn là năng lực giao tiếp và hợp tác, trong đó bao gồm năng lực nói và nghe hiệu quả. Người học không chỉ cần biết trình bày ý kiến (nói), mà còn phải biết nghe – hiểu – phân tích - phản hồi lại thông tin đã tiếp nhận. Trong hoạt động đọc hiểu VBNL, khi học sinh nói lên suy nghĩ về một vấn đề trong văn bản, phần thông điệp không phải lúc nào cũng được thể hiện trực tiếp. Do đó, để hiểu được thông điệp của người nói, người nghe cần có kỹ năng lắng nghe chủ động, phân tích ngôn ngữ nói và suy luận ý nghĩa tiềm ẩn.

Để học sinh tiếp nhận được thông điệp của người nói trong đọc hiểu văn bản nghị luận, giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt và trả lời các dạng câu hỏi sau:

Câu hỏi hướng dẫn học sinh lắng nghe có mục đích: Người nói muốn đề cập tới vấn đề nào của VBNL này? Người nói nêu quan điểm gì về các vấn đề đặt ra trong VBNL này? Người nói đã đưa ra luận điểm gì? Người nói đã dùng lí lẽ gì để làm rõ luận điểm? Người nói đã dùng bằng chứng gì để làm rõ luận điểm?

Câu hỏi hướng dẫn học sinh nhận diện từ ngữ then chốt trong lời nói của người nói: Người nói vừa dùng cụm từ nào cho thấy bạn ấy đang đưa ra thông điệp chính? Từ ngữ nào thể hiện thái độ, cảm xúc của người nói trước vấn đề đặt ra trong VBNL? Người nói đang

muốn chúng ta suy nghĩ điều gì từ VBNL này? Người nói sử dụng cụm từ nào thể hiện rõ quan điểm cá nhân về vấn đề đặt ra trong VBNL? Từ nào cho thấy người nói đang kết nối giữa VBNL này với trải nghiệm bản thân?

Câu hỏi hướng dẫn học sinh diễn giải được thông điệp của người nói theo cách riêng: Làm thế nào để diễn giải ngắn gọn hơn quan điểm của bạn về vấn đề trong VBNL này? Làm thế nào để diễn giải cụ thể hơn, giải thích rõ hơn quan điểm của bạn về vấn đề trong VBNL này? Làm thế nào để dùng từ ngữ khác diễn giải lại quan điểm của bạn về vấn đề trong VBNL này?

Ví dụ: Áp dụng vào văn bản nghị luận Xem người ta kia! - Lạc Thanh (Ngữ văn 6, tập 2, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), câu hỏi đặt ra như sau: Người nói muốn đề cập đến vấn đề gì trong văn bản nghị luận Xem người ta kia!? Người nói đưa ra quan điểm gì về việc thường xuyên bị so sánh với người khác? Cụm từ nào trong văn bản cho thấy người nói đang đưa ra thông điệp chính? Theo em, người nói muốn chúng ta suy ngẫm điều gì từ vấn đề nghị luận được nêu? Em hãy thử diễn giải lại quan điểm của mình theo cách nói riêng của bản thân?

Như vậy, khi học sinh tiếp nhận được thông điệp của người nói theo cách riêng, đồng nghĩa với việc các em sẽ nắm bắt nội dung ở cấp độ sâu hơn. học sinh không chỉ hiểu đúng ý mà còn biết liên hệ thông điệp với trải nghiệm cá nhân, từ đó làm rõ giá trị tư tưởng mà người nói muốn gửi gắm. Cách tiếp cận này giúp học sinh phát triển tư duy độc lập, biết tự tin trình bày quan điểm và sử dụng ngôn ngữ linh hoạt trong giao tiếp.

3.2.3. Tổ chức học sinh đánh giá thông điệp của người nói

Trong hoạt động đọc hiểu VBNL, thông điệp của người nói đề cập đến các vấn đề liên quan đến VBNL thuộc các lĩnh vực như văn học, đời sống, xã hội, chính trị, giáo dục là quan điểm cá nhân, từ góc nhìn chủ quan. Do đó, giáo viên cần tổ chức để người nghe đánh giá được thông điệp của người nói, từ đó đưa ra quan điểm phù hợp. Các tiêu chí đánh giá gồm: tính khoa học, tính phù hợp, tính xác thực, tính hệ thống, tính chặt chẽ, tính độc lập, tính linh hoạt. Để học sinh đánh giá được thông điệp của người nói trong đọc hiểu VBNL, giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt và trả lời các dạng câu hỏi sau:

Câu hỏi đánh giá quan điểm: Quan điểm của người nói đưa ra về vấn đề trong VBNL này đã rõ ràng chưa? Quan điểm có phù hợp không, có thể bổ sung hay chỉnh sửa gì không? Quan điểm có gây ảnh hưởng tiêu cực đến người tiếp nhận không?

Câu hỏi đánh giá luận điểm: Luận điểm triển khai để làm rõ quan điểm về vấn đề trong VBNL này được đưa ra đã đủ chưa, cần bổ sung gì không? Hệ thống luận điểm được trình bày đã chặt chẽ, phù hợp, thuyết phục chưa? Cách trình bày sắp xếp các luận điểm đã hợp lý chưa? Các luận điểm đã làm sáng rõ cho thông điệp của người nói chưa?

Câu hỏi đánh giá lý lẽ, bằng chứng: Lý lẽ đưa ra làm rõ quan điểm về vấn đề trong VBNL này có phù hợp không? Lý lẽ đưa ra đã đủ chưa, cần bổ sung hay lược bỏ ý nào không? Lý lẽ có làm rõ được cho luận điểm không? Bằng chứng đưa ra có xác thực không? Bằng chứng... có thể củng cố được cho lý lẽ được đưa ra không?,...

Câu hỏi nhận diện nguy biện nhằm đánh giá suy luận: Hệ thống luận điểm này có xuất phát từ quan điểm về vấn đề trong VBNL đang đề cập không? Liệu người nói có đang mắc lỗi nguy biện nào không? Những luận điểm đưa ra có phải là thiên kiến, một chiều, thiên vị cho quan điểm này? Có thể đưa ra lý lẽ trái chiều để giải thích cho luận điểm không?,...

Ví dụ: Áp dụng vào văn bản nghị luận Xem người ta kia! - Lạc Thanh (Ngữ văn 6, tập 2, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), câu hỏi đặt ra là: Em có thấy quan điểm mà bạn vừa trình bày đã rõ ràng và phù hợp với vấn đề trong văn bản không? Các luận điểm mà bạn đưa ra đã đầy đủ và được sắp xếp hợp lý, logic chưa? Lí lẽ, bằng chứng mà bạn sử dụng có thuyết phục và xác thực không? Em có nhận thấy trong phần trình bày của bạn ấy có luận điểm nào thiên lệch hay nguy hiểm không? Theo em, có thể bổ sung hay chỉnh sửa gì để thông điệp của bạn ấy rõ hơn, sâu hơn không?

Như vậy, việc đánh giá căn cứ vào tiêu chí rõ ràng, cụ thể sẽ giúp cho học sinh có cái nhìn đa chiều, chính xác, khách quan về sản phẩm nói trong hoạt động đọc VBNL, rộng hơn là việc đánh giá mọi vấn đề trong cuộc sống. Bên cạnh đó, việc cung cấp công cụ đánh giá để học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng không chỉ giúp các em phát triển kĩ năng tự đánh giá mà còn giúp học sinh phát triển năng lực nói - nghe tương tác trong quá trình đánh giá sản phẩm nói trong hoạt động đọc hiểu VBNL.

3.2.4. Tổ chức học sinh phản hồi thông điệp của người nói trong hoạt động đọc hiểu văn bản nghị luận

Quá trình phản hồi thông điệp của người nói trong hoạt động đọc hiểu văn bản nghị luận tạo cơ hội để cả người nói và người nghe cùng học hỏi những cách diễn đạt hiệu quả, những luận điểm sắc bén hay cách tổ chức logic. giáo viên cần hướng dẫn học sinh nhận xét theo quy trình: Ghi nhận - Góp ý - Khích lệ. Điều này góp phần hình thành thói quen nhận xét tích cực, hiệu quả, góp phần xây dựng môi trường học tập tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau. Dưới đây là cách thức hướng dẫn học sinh phản hồi thông điệp của người nói trong hoạt động đọc hiểu VBNL.

3.2.4.1. Tổ chức học sinh nêu câu hỏi về thông điệp của người nói trong VBNL

Kỹ thuật hiệu quả để học sinh có thể sử dụng là đặt câu hỏi bắt đầu bằng các từ để hỏi WH (Who, What, Where, When, Why, How - tương ứng với Ai, Gì, Đâu, Khi nào, Tại sao và Như thế nào). Kỹ thuật này sẽ giúp học sinh “bóc tách” thông điệp của người nói một cách có hệ thống. Cách sử dụng từng loại câu hỏi WH để phản hồi:

What (Cái gì/ Gì): Câu hỏi để làm rõ nội dung, định nghĩa, bằng chứng của người nói: Căn cứ vào điều gì để bạn lý giải nội dung thông điệp là...? Những hiểu biết nào của bạn về nhiều khía cạnh của đời sống: văn hoá, lịch sử, xã hội... có giúp ích gì cho việc bạn lý giải thông điệp này là... không?

Who (Ai): Câu hỏi để hỏi về nguồn tham khảo, góc nhìn, đối tượng liên quan trong lập luận của người nói: Bằng chứng/lý lẽ... được tham khảo từ tác giả nào? Tác giả đó có phải là chuyên gia uy tín trong lĩnh vực này không?

When (Khi nào): Câu hỏi để hỏi về thời điểm, tính cập nhật, trình tự liên quan đến lập luận của người nói: Bạn có nghĩ rằng ý nghĩa của quan điểm về vấn đề trong VBNL này sẽ khác đi khi đặt nó trong bối cảnh khác không? Tại thời điểm hiện nay, thông điệp có còn nguyên vẹn ý nghĩa hay không?

Why (Tại sao): Câu hỏi để tìm hiểu lý do, mục đích, cơ sở lập luận của người nói: Tại sao bạn lại nêu quan điểm... về VBNL này? Lý do nào khiến bạn cho rằng quan điểm/ lý lẽ/ dẫn chứng của tác giả trong VBNL này là tiêu biểu?

How (Như thế nào/ Bằng cách nào): Câu hỏi đề hỏi về quy trình suy luận, cách liên hệ, phương pháp của người nói: Bạn có thể chỉ rõ việc sử dụng... có hiệu quả như thế nào trong việc thể hiện thông điệp về VBNL này không? Cách bạn xây dựng cấu trúc bài như vậy hỗ trợ truyền tải thông điệp về vấn đề trong VBNL này như thế nào?

3.2.4.2. Tổ chức học sinh chỉ ra tính thiếu xác thực của bằng chứng và bổ sung lý lẽ, dẫn chứng còn thiếu

Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng các cách diễn đạt sau trong quá trình phản hồi chỉ ra tính thiếu xác thực của bằng chứng và bổ sung lý lẽ, dẫn chứng còn thiếu: Theo tôi/ mình, lý lẽ này của bạn chưa đủ sức thuyết phục...; Bạn cần bổ sung thêm dẫn chứng để làm rõ, chẳng hạn...; Bằng chứng này của bạn thiếu tính xác thực...; Nhà nghiên cứu/ trang web/ bài báo/ tài liệu... đã chỉ ra những yếu tố đi ngược lại bằng chứng này của bạn...; Với lý lẽ này, bạn có thể sử dụng bằng chứng...; Bằng chứng của bạn đưa ra về... không có liên hệ gì với lý lẽ mà bạn đưa ra...; Bạn có thể bổ sung thêm bằng chứng về... để làm rõ hơn lý lẽ này...;

Giáo viên hướng dẫn học sinh đặt câu hỏi để chỉ ra/ làm rõ những điểm còn mơ hồ hoặc thiếu sót trong lý lẽ và dẫn chứng của người nói: Với quan điểm này, liệu lý lẽ/ bằng chứng này có đủ sức thuyết phục hay không? Bạn nêu lên quan điểm/ luận điểm về... Dẫn chứng này có thực sự phù hợp với quan điểm/ luận điểm được đưa ra hay không? Mình thấy bạn có đề cập đến khía cạnh... của vấn đề... Dẫn chứng này của bạn đã chứng minh được khía cạnh... hay chưa?

3.2.4.3. Hướng dẫn học sinh phản hồi góp ý, hiệu chỉnh lỗi nguy biến trong lập luận

Giáo viên hướng dẫn học sinh phản hồi theo các bước sau để góp ý, hiệu chỉnh lỗi nguy biến trong lập luận

Bước 1: Tham chiếu đến phần lỗi cụ thể

Ở phần bạn nói về...

Khi bạn dùng lý lẽ... để chứng minh cho luận điểm...

Bước 2: Chỉ lỗi sai một cách trực tiếp hoặc nêu câu hỏi

Bạn có thể thử tìm thêm một bằng chứng cụ thể... để làm rõ và chứng minh cho luận điểm về vấn đề trong VBNL này không?

Bên cạnh việc chia sẻ cảm xúc/ câu chuyện đó, bạn có thể bổ sung thêm những lý lẽ hoặc dẫn chứng khách quan nào để củng cố cho luận điểm về vấn đề trong VBNL này không?

Để lập luận thuyết phục và khách quan hơn, bạn có thể thử xem xét và phản biện cả những ý kiến/ thông tin trái chiều về vấn đề trong VBNL này không? Ví dụ như ý kiến/ thông tin về... và giải thích tại sao quan điểm của bạn vẫn hợp lý hơn.

Cách lập luận về vấn đề trong VBNL này của bạn đang thể hiện rõ lỗi nguy biến...

Bước 3: Giải thích ngắn gọn nguyên nhân tạo ra lỗi

...Bởi vì bạn đang... đề... mà không...

...Thay vì..., bạn lại..., khiến...

Bước 4: Đề xuất cách khắc phục

Ví dụ: Áp dụng vào văn bản nghị luận Xem người ta kia! - Lạc Thanh (Ngữ văn 6, tập 2, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), câu hỏi đặt ra là: Em có thể đặt câu hỏi để làm rõ hoặc bổ sung cho thông điệp mà bạn vừa trình bày không? Em có nhận thấy điểm nào trong

lí lẽ, dẫn chứng của bạn chưa hợp lý hoặc còn thiếu không? Em có thể góp ý cách để bạn cải thiện lập luận đó không? Em hãy thử phản hồi bằng cách tham chiếu đến một đoạn trong phần trình bày của bạn để chỉ ra lỗi lập luận hoặc ngụy biện (nếu có). Sau đó đưa ra đề xuất để bạn chỉnh sửa lại cách lập luận cho phù hợp hơn.

Thông qua các bước phản hồi, góp ý, hiệu chỉnh lỗi ngụy biện trong lập luận trong sản phẩm của người nói, giáo viên có thể giúp học sinh biết cách góp ý một cách xây dựng để người trình bày có thể cải thiện lập luận của mình, đồng thời học cách giao tiếp, góp ý hiệu quả và xây dựng trong môi trường học thuật. Bên cạnh đó, giáo viên cũng cần nhấn mạnh mục đích của việc chỉ lỗi là để giúp bạn mình nhận ra và cải thiện kỹ năng lập luận, không phải để hạ thấp hay “chiến thắng” trong tranh luận. Dù chỉ lỗi trực tiếp, vẫn cần giữ thái độ tôn trọng, bình tĩnh, sử dụng ngôn ngữ khách quan. Tránh giọng điệu chế giễu, mỉa mai hay gay gắt.

3.2.4.4. Tổ chức học sinh đề xuất một hướng khai thác mới, mở rộng vấn đề trong VBNL cho người nói

Giáo viên hướng dẫn học sinh đặt câu hỏi đề xuất một hướng khai thác mới/ mở rộng vấn đề cho người nói: Vấn đề này có thể được nhìn nhận từ góc độ tâm lý học/ xã hội học/ kinh tế học/ lịch sử... như thế nào? Liệu vấn đề... có liên quan đến các vấn đề... hay không?

Giáo viên trực tiếp đưa ra những gợi ý cụ thể có tính khả thi và mang tính xây dựng: Theo tôi/ Tôi nghĩ vấn đề... cần có cái nhìn đa chiều hơn, chẳng hạn nhìn ở góc độ..., Mình đề xuất bạn nên tiếp cận thêm vấn đề ở góc độ... để so sánh và có cái nhìn toàn diện hơn.

Ví dụ: Áp dụng vào văn bản nghị luận Xem người ta kia! - Lạc Thanh (Ngữ văn 6, tập 2, KNTTVCS), câu hỏi đặt ra là: Em có thể gợi ý cho bạn một hướng tiếp cận mới để mở rộng vấn đề mà bạn vừa trình bày không? Vấn đề này nếu được nhìn từ góc độ tâm lý học/ xã hội học/ văn hóa thì có thể giúp làm rõ thêm điều gì? Em có thể nêu thêm mối liên hệ giữa vấn đề trong văn bản với các hiện tượng xã hội hiện nay không? Theo em, việc khai thác vấn đề ở một khía cạnh khác sẽ giúp gì cho người đọc/ người nghe?

Việc đề xuất, gợi ý hướng khai thác mới, mở rộng vấn đề là quan trọng và cần thiết để có cái nhìn toàn diện về vấn đề được trình bày. Vì vậy, giáo viên nên khuyến khích học sinh sử dụng những câu hỏi và gợi ý này một cách sáng tạo và linh hoạt, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội thảo luận và chia sẻ ý kiến của mình.

4. KẾT LUẬN

Phát triển năng lực nói - nghe tương tác cho học sinh THCS trong dạy học đọc hiểu VBNL là một vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng. Khi học sinh hình thành và phát triển được năng lực nói - nghe tương tác. Điều này không chỉ góp phần phát triển các năng lực cốt lõi cần thiết mà còn trực tiếp nâng cao hiệu quả đọc hiểu và cảm thụ VBNL của học sinh. Nhận thức được tầm quan trọng đó, đề tài đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý thuyết, khoa học liên quan và đề xuất một hệ thống biện pháp sư phạm nhằm bồi dưỡng, phát triển năng lực nói - nghe tương tác cho học sinh THCS trong quá trình tiếp cận VBNL. Để các biện pháp này phát huy hiệu quả tối ưu, việc áp dụng cần được thực hiện một cách thường xuyên, sáng tạo và linh hoạt, đồng thời phải đảm bảo sự phù hợp với đặc trưng thể loại của văn bản, đặc điểm tâm sinh lý, trình độ nhận thức của học sinh cũng như điều kiện dạy học cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alexander, R. (2020), *A Dialogic Teaching Companion*, Routledge.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
- [3] Đỗ Đức Lân Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Tuyết Nga, Bùi Diệu Quỳnh, Nguyễn Thanh Trịnh (2018), *Giáo dục kỹ năng thế kỷ XXI - kinh nghiệm cho giáo dục phổ thông Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, (11):116-120.
- [4] Halpern, D. F. (1998), *Teaching critical thinking for transfer across domains: Dispositions, skills, structure training, and metacognitive monitoring*, American Psychologist, 53(4):449-455.
- [5] Hoàng Hòa Bình (2015), *Năng lực và đánh giá năng lực*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 6(71):21-32.
- [6] Mercer, N., Wegerif, R., Dawes, L. (1999), *Children's Talk and the Development of Reasoning in the Classroom*, British Educational Research Journal, (25):95-111.
- [7] Nguyễn Lan Phương (2015), *Đánh giá năng lực người học - Báo cáo khoa học tại Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục phổ thông*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

ENHANCING INTERACTIVE SPEAKING AND LISTENING COMPETENCE FOR LOWER SECONDARY STUDENTS IN READING COMPREHENSION OF ARGUMENTATIVE TEXTS

Nguyen Thi Hoa, Le Nhat Linh, Truong Thi Hai Binh, Lam Thi Ngoc Anh,
Nguyen Yen Vi, Do Thi Thuy Quynh

ABSTRACT

Interactive Speaking and Listening Competence (ISLC) is the ability to engage in proactive and effective communication, encompassing active listening, clear presentation, and flexible response. This is a core competence that helps students develop critical thinking and collaborative communication crucial for 21st-century citizens. This paper highlights the potential of teaching reading comprehension of argumentative texts in developing ISLC and proposes a system of pedagogical strategies. The flexible application of these strategies will contribute to achieving the goal of cultivating learners' communicative language competence, thereby meeting the demands of educational reform and international integration.

Keywords: Interactive speaking and listening competence, reading comprehension instruction, argumentative text, lower secondary school.

* Ngày nộp bài: 11/4/2025; Ngày gửi phản biện: 16/4/2025; Ngày duyệt đăng: 31/10/2025